

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyễn Ngọc Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.
2. Ông Bùi Kim Châu Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 307/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị H, sinh năm 1989; thường trú: Xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Số 11/12, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1987; thường trú: Xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Số 11/10, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Bình Phước. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị H đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Đỗ Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 05/8/2011.

Sau khi kết hôn, chị H và anh T sinh sống tại xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Đến giữa năm 2013, chị H và anh T chuyển vào sinh sống tại số nhà 11/10, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Khoảng cuối năm 2013, anh T bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm tù và đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Bình Phước cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến giữa năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, luôn luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh T có 01 con chung tên Đỗ Thị Linh Đ, sinh ngày 06/9/2011, hiện nay cháu Đ sống với chị do anh T đang chấp hành án. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và tự nguyện không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2018, bị đơn anh Đỗ Văn T đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với phần trình bày của chị Võ Thị H về việc hai người tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 05/8/2011.

Sau khi kết hôn, anh T và chị H sinh sống tại xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, sau đó anh chị sống ly thân. Đến giữa năm 2013, anh T và chị H tha thứ lỗi lầm của nhau, quay về đoàn tụ và vào Bình Dương sinh sống. Ngày 30/11/2013, anh T bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xử phạt 07 năm tù. Đến nay anh T đã chấp hành án được gần 05 năm tại Trại giam T.

Anh T xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã to tiếng. Từ khi vào Bình Dương sinh sống thì mâu thuẫn phát sinh trầm trọng hơn. Nay anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị H và có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng để quay về chung sống hạnh phúc với nhau nên không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh T và chị H có 01 con chung tên là Đỗ Thị Linh Đ, sinh ngày 06/9/2011. Anh T thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T thống nhất ý kiến của chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/4/2018, anh Đỗ Văn T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án do đang chấp hành án.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 20/4/2018 tại UBND phường Đ thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng và về vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Võ Thị H và anh Đỗ Văn T, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T. Hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Bình Phước, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

- Biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2018 đối với bà Đàm Thị T, sinh năm 1974, là chủ nhà trọ số 89/5 (số cũ 11/10), khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương thể hiện: Năm 2013, anh T và chị H đến thuê phòng trọ của bà. Quá trình chung sống, bà thấy anh T, chị H hay to tiếng cãi vã nhau, nhiều lúc anh T có đánh chị H. Đến cuối năm 2013, anh T bị bắt, chị H tiếp tục ở trọ một thời gian sau đó mua nhà ở nơi khác.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về quan hệ hôn nhân, chị H và anh T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn trong một thời gian dài, nên không thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ. Về con chung, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của chị H là phù hợp với nguyện vọng của anh T, thực tế anh T đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Bình Phước không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cháu Đỗ Thị Linh Đ đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện khởi kiện: Chị Võ Thị H khởi kiện anh Đỗ Văn T về việc yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh T tạm trú và có nơi sinh sống cuối cùng tại số nhà 11/10, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương trước khi đi chấp hành án tại Trại giam T, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo

quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị H, bị đơn anh Đỗ Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Đỗ Văn T là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 05/8/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị H xác định trong quá trình chung sống với anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Từ năm 2012 anh chị đã sống ly thân, đến cuối năm 2013 anh T bị bắt và xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện đang chấp hành án tại Trại giam T. Do tình trạng mâu thuẫn kéo dài từ năm 2012 đến nay nên chị H xác định không thể tiếp tục chịu đựng và không còn tình cảm với anh T. Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng không được chị H chấp nhận. Mặt khác, anh T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã to tiếng, việc này được các đương sự thừa nhận và phù hợp với lời khai của chủ nhà trọ nơi anh T, chị H sinh sống. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mâu thuẫn của chị H, anh T diễn ra từ năm 2012, anh chị đã sống ly thân, sau đó anh T chấp hành án thời gian dài nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, làm cho chị H không còn tình cảm với anh T, do đó mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Võ Thị H và anh Đỗ Văn T có một con chung tên Đỗ Thị Linh Đ, sinh ngày 06/9/2011. Chị H yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, hiện tại con chung đang sống cùng với chị. Anh T đồng ý với yêu cầu nuôi con của chị H. Xét yêu cầu của chị H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nợ chung: Chị H và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí ly hôn: Chị Võ Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị H đối với bị đơn anh Đỗ Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 05/8/2011 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp).

- Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Thị Linh Đ, sinh ngày 06/9/2011 cho chị Võ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị H không yêu cầu anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Võ Thị H và anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chung chưa thành niên; không ai được lạm dụng việc thăm nom cản trở các quyền này. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nợ chung về tài sản: Chị Võ Thị H và anh Đỗ Văn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn: Chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019114 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyễn Ngọc Quang